

Số: **212/2019/QĐST-HNGĐ**

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 193/2019/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số nhà 47, tổ 6 (tổ 13 cũ), phường MX, thành phố T, tỉnh Q;

Nơi ở: Số nhà 28, tổ 01 (tổ 02 cũ), phường TQ, thành phố T, tỉnh Q.

* Bị đơn: Anh Khương Quốc B, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số nhà 47, tổ 6 (tổ 13 cũ), phường MX, thành phố T, tỉnh Q;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Khương Quốc B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung là Khương Nhã U, sinh ngày 23/01/2017 cho chị Trần Thị L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Khương Quốc B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L (do hiện tại chị Lý không yêu cầu). Anh Khương Quốc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Vay nợ chung*: Các đương sự xác định không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000473 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho chị Trần Thị L số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Khương Quốc B không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường MX (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Lan